

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý III năm 2026

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; trên cơ sở đề nghị của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý III và phương hướng, nhiệm vụ những tháng cuối năm 2026 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên quý III năm 2026 tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ, Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026⁽¹⁾, trong đó nhiều nhiệm vụ trọng tâm được triển khai thực hiện bám sát các nội dung yêu cầu, đảm bảo tiến độ, thời gian quy định. Để đánh giá công tác triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC những tháng đầu năm 2026, ngày 12/8/2026, UBND tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC 6 tháng cuối năm 2026; tổng kết Chiến dịch “100 ngày số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu”; sơ kết công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai. Theo đó, đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành 16/23 nhiệm vụ giao tại Kế hoạch CCHC năm 2026, một số nhiệm vụ trọng tâm trong quý III đã hoàn thành như: Tổ chức thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh; ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Đẩy mạnh cải cách hành chính: Kỷ cương - Trách nhiệm - Hiệu quả” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2026 - 2030; triển khai Ứng dụng BIM (Building Information Modeling) và GIS (Geographic Information System) trong lĩnh vực quy hoạch, xây dựng đô thị; lĩnh vực giao thông, thẩm định dự án... trên địa bàn tỉnh; triển khai hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh phù hợp với chỉ đạo của Trung ương...

⁽¹⁾Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 về việc ban hành Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 27/12/2025 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

Với mục tiêu tiếp tục cải thiện, nâng cao hiệu quả CCHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, phấn đấu kết quả Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2026 thuộc nhóm những tỉnh, thành phố có Chỉ số cao, ngày 06/9/2026, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị (Chỉ thị số 20/CT-UBND) tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu đề ra, đồng thời có các giải pháp kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đồng thời, để đánh giá công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong năm 2026, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xây dựng quy định tiêu chí đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường và tổ chức xin ý kiến, hoàn thiện trên cơ sở thực tiễn sau 01 năm triển khai đánh giá.

Để chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, chất lượng giải quyết TTHC và công tác lập, quản lý hồ sơ cán bộ, Chủ tịch UBND tỉnh đã yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các xã, phường chấn chỉnh nghiêm túc nội quy, quy chế làm việc, sử dụng hiệu quả thời gian công tác. Cán bộ, công chức, viên chức không được tự ý bỏ vị trí làm việc, để tồn đọng công việc hoặc sử dụng rượu, bia ngay trước và trong giờ làm việc, giờ nghỉ giữa giờ. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp trong công tác kiểm tra, giám sát; kiên quyết điều chuyển, thay thế hoặc xử lý trách nhiệm đối với các trường hợp có năng lực hạn chế, thường xuyên sai sót hoặc có hành vi vi phạm⁽²⁾.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền CCHC tiếp tục được tăng cường, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã tổ chức tuyên truyền đầy đủ các nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

Từ đầu năm 2026 đến nay, các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động thực hiện tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục,

⁽²⁾Văn bản số 10630/UBND-NC ngày 20/8/2026 về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm thực thi công vụ, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và công tác lập, quản lý hồ sơ cán bộ. Chỉ đạo này nhằm tập trung cao độ hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2026.

chuyên đề phát trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, cụ thể: Báo và Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên đã thực hiện các chuyên mục, chuyên đề, thực hiện 168 tin, bài, phản ánh, phóng sự liên quan đến công tác CCHC; Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh đã đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 316 tin, bài viết, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; dẫn nguồn tin tức, sự kiện và các văn bản của tỉnh, của các bộ, ngành Trung ương. Các thông tin tuyên truyền thường xuyên được cập nhật và tập trung vào nội dung chính sách pháp luật, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp, duy trì và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên đăng tải 128 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

3. Kiểm tra công tác CCHC

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2026⁽³⁾ nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp. Từ đầu năm 2026 đến nay Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tiến hành kiểm tra tại 48 đơn vị, địa phương (trong đó gồm 02 sở, ngành; 15 đơn vị sự nghiệp công lập; 31 xã, phường), tập trung kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cơ sở, các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND cấp xã; việc thực hiện CCHC, chức trách nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh. Qua kiểm tra, các đơn vị được kiểm tra đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, giờ làm việc theo quy định, kịp thời giải quyết các TTHC cho người dân, việc giải quyết hồ sơ, công việc không bị gián đoạn, chậm trễ.

4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao: Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, từ ngày 01/01/2026 đến ngày 15/9/2026, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 137 nhiệm vụ, đến nay, đã thực hiện hoàn thành 81 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, đang triển khai thực hiện 56 nhiệm vụ (trong hạn), không có nhiệm vụ quá hạn.

⁽³⁾Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về kiểm tra công vụ, kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 12/01/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập đoàn kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

5. Áp dụng mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính

Ngày 23/01/2026, Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND về việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, thuộc lĩnh vực CCHC trên địa bàn tỉnh năm 2025, trong đó, 09 sáng kiến, giải pháp được công nhận phạm vi ảnh hưởng (cấp tỉnh) và hiện nay đã được áp dụng vào thực tiễn, đạt hiệu quả cao (lần đầu được áp dụng) và có khả năng mở rộng áp dụng trong phạm vi toàn quốc, nhiều sáng kiến đã được triển khai áp dụng như: Triển khai cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng Bản đồ số tỉnh Thái Nguyên phục vụ quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và cung cấp dịch vụ công tại 92 xã, phường; Đợt cao điểm 45 ngày, đêm thực hiện dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng phần mềm cài đặt trên điện thoại di động “Theo dõi, thông báo tình hình giao thông”; Phần mềm dữ liệu thông tin và phương tiện cơ giới; Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên môi trường điện tử; Giải pháp tổ chức, sắp xếp các Quỹ tài chính thuộc tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp sắp xếp các tổ chức hội của tỉnh Thái Nguyên; Giải pháp nâng cao hiệu quả việc xây dựng, ban hành và quản lý chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác tham mưu xây dựng, kiểm tra và rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách, văn bản QPPL được tỉnh Thái Nguyên quan tâm, chỉ đạo thực hiện; trách nhiệm người đứng đầu trong công tác xây dựng văn bản QPPL được nâng cao; công tác phối hợp, nhất là giữa cơ quan được giao chủ trì xây dựng và cơ quan thẩm định ngày càng hiệu quả. Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW); Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 16/11/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; đồng thời tổ chức Phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật của UBND tỉnh, phân tích, dự báo tình hình về công tác xây dựng, thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL tiếp tục được HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên chỉ đạo tăng cường về chất lượng, đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng. Các thủ tục như đánh giá tác động của chính sách,

đánh giá tác động của TTHC, phương pháp, thời gian lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản, hoạt động phản biện xã hội trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được quan tâm đổi mới, đảm bảo chất lượng và hiệu quả; trong đó, tập trung sửa đổi các văn bản QPPL mâu thuẫn, tháo gỡ các rào cản là khâu đột phá nhằm khơi thông nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh (Ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ một số chi phí cho doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất...). Từ đầu năm 2026 đến nay, tỉnh Thái Nguyên ban hành 166 văn bản QPPL (trong đó bao gồm: 73 Nghị quyết, 93 Quyết định).

1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL

- Về công tác kiểm tra văn bản QPPL: UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2026 trên địa bàn tỉnh. Từ đầu năm 2026 đến nay, Sở Tư pháp đã tự kiểm tra 100% Quyết định do UBND, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành (120/120 Quyết định); kiểm tra theo thẩm quyền đối với 25/25 văn bản QPPL cấp xã được gửi đến theo quy định. Qua kiểm tra, các văn bản QPPL cơ bản bảo đảm tính đầy đủ, kịp thời, thống nhất và phù hợp với quy định pháp luật.

- Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 30/01/2026 về việc công bố danh mục văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND tỉnh hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực toàn bộ và một phần năm 2025, trong đó đã công bố 363 văn bản hết hiệu lực toàn bộ (88 Nghị quyết, 275 Quyết định); công bố 25 văn bản hết hiệu lực một phần (gồm 09 Nghị quyết, 16 Quyết định). Thực hiện rà soát, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tập trung cao điểm xử lý văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn (trước sáp nhập). Theo đó, có 435 văn bản QPPL còn hiệu lực của 02 tỉnh trước sắp xếp cần xử lý; đến nay đã xử lý 421 văn bản, còn 14 văn bản đang thực hiện quy trình xử lý.

- Kết quả rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn: UBND tỉnh giao Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện rà soát các văn bản còn hiệu lực liên quan Luật Phòng, chống ma túy năm 2021 thuộc thẩm quyền quản lý; rà soát, kiến nghị xử lý hiệu lực văn bản QPPL của Thủ tướng Chính phủ ban hành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước; rà soát, đánh giá văn bản liên quan đến khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số (39 văn bản QPPL, gồm 11 Luật; 12 Nghị định; 02 Quyết định; 14 Thông tư); rà soát văn bản QPPL liên quan đến Luật Tiết kiệm, chống lãng phí thuộc thẩm quyền, phạm vi quản lý nhà nước được phân công (12 văn bản: 01 Nghị quyết, 11 Quyết định) thuộc lĩnh vực tư pháp); rà soát văn bản QPPL của tỉnh Thái Nguyên liên quan đến Luật Tiếp cận thông tin (01 Quyết định); rà soát, lập danh mục các quy định pháp luật còn mâu thuẫn, chồng chéo,

cản trở chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý của tỉnh Thái Nguyên (12 văn bản: 04 Nghị quyết, 08 Quyết định).

- Về triển khai nhiệm vụ tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL: Thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch triển khai tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL của Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL (Theo Quyết định số 05/QĐ-BCĐ ngày 10/4/2026 của Ban Chỉ đạo), UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 về việc thành lập tổ công tác và Bộ phận giúp việc Tổ công tác thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL của tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh, thực hiện rà soát đối với 436 văn bản QPPL còn hiệu lực và xây dựng Báo cáo của UBND tỉnh về kết quả thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL của tỉnh Thái Nguyên.

1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật

Trong quý III năm 2026, công tác theo dõi thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai theo kế hoạch, tập trung theo dõi tình hình thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch⁽⁴⁾ điều chỉnh, bổ sung về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2026; Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật năm 2026 và thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành, đồng thời triển khai Kế hoạch khảo sát tình hình, nhu cầu, thực trạng thực hiện, sử dụng pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

- Trong quý III năm 2026, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) trên địa bàn tỉnh tiếp tục được triển khai theo Kế hoạch về công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026; tập trung tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới, các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp, cải cách hành chính, chuyển đổi số và các vấn đề được dư luận quan tâm. Phát động Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu Luật Tiếp cận thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên”; phối hợp với Tỉnh đoàn tổ chức Cuộc thi trực tuyến “Tìm hiểu pháp luật về phòng, chống ma túy tỉnh Thái Nguyên năm 2026”. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trên môi trường số tiếp tục được đẩy mạnh thông qua Cổng Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Trang thông tin điện tử Sở Tư pháp, Fanpage PBGDPL và các nhóm Zalo; duy trì đăng tải

⁽⁴⁾Kế hoạch số 366/KH-UBND ngày 19/8/2026 điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 20/01/2026 về theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2026.

các tin, bài, tình huống pháp luật, infographic, hỏi - đáp và tài liệu tuyên truyền. Đồng thời, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác pháp luật, PBGDPL tại cơ sở.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

- Trong quý III, UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử năm 2026, cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số; triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền trong giải quyết TTHC... tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, tập trung rà soát cắt giảm thủ tục rườm rà, gỡ bỏ rào cản, giảm chi phí, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy thu hút đầu tư: trên cơ sở rà soát tình đề nghị bãi bỏ 03 TTHC thuộc lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (*Sở Nông nghiệp và Môi trường*) để phù hợp với quy định tại Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ; 03 TTHC thuộc lĩnh vực Đường bộ (*Sở Xây dựng*) giảm thời gian thực hiện do đã được áp dụng theo cơ chế “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; đối với 49 TTHC về đất đai: giảm 20% thời hạn giải quyết so với quy định hiện hành, trừ TTHC thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp (giảm 30% thời hạn giải quyết). Ngoài ra, tiếp tục đẩy mạnh cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, đất đai, dự án nguồn điện năng lượng tái tạo (điện gió, rác thải), đường dây tải điện và trạm biến áp, môi trường; điều chỉnh dự án đầu tư, giải ngân dự án và hồ sơ thầu, đấu giá đất, giao đất, cấp giấy phép cho lao động nước ngoài làm việc tại tỉnh Thái Nguyên... của các dự án đầu tư công, dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo quyết liệt các đơn vị, địa phương thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC trong năm 2026, đồng thời rà soát, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên (100% TTHC thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính); ban hành 71 Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành với tổng số 939 TTHC (công bố mới 469 TTHC, bãi bỏ 470 TTHC). Các TTHC sau khi công bố đều được cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và được các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công khai đầy đủ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp, trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang

thông tin điện tử của đơn vị. Tổng số TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh là 2.080 TTHC, trong đó, cấp tỉnh: 1.761 TTHC, cấp xã: 319 TTHC.

- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện quản lý, vận hành, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia với Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Từ ngày 15/6/2026 đến ngày 14/9/2026, tỉnh đã tiếp nhận, xử lý 128 phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trong đó có 104 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và 24 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính. Tại điểm báo cáo, đã xử lý và có kết quả trả lời được đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo quy định 127 phản ánh, kiến nghị; còn 01 phản ánh, kiến nghị đang trong thời hạn giải quyết.

2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Các đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tăng cường công khai, minh bạch, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử. Thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc vận hành tổ chức thực hiện giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp thông suốt, không gián đoạn. Đội ngũ công chức các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã nhanh chóng thích ứng và phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động sắp xếp công việc để phục vụ người dân, giải quyết TTHC nhanh gọn và hiệu quả. 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc các xã, phường bố trí đầy đủ cơ sở hạ tầng, đội ngũ cán bộ, công chức chuyên môn bảo đảm tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền.

- Để nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/02/2026 về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; ban hành Công điện số 04/CĐ-UBND ngày 22/8/2026 về giải quyết thủ tục hành chính chủ động, phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; quyết liệt chỉ đạo thực hiện cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã thực hiện việc phân cấp, ủy quyền giải quyết TTHC cho các sở, ban, ngành, Giám đốc các sở, ban, ngành, UBND cấp xã. Tại cấp xã, đối với các TTHC có tần suất phát sinh nhiều, liên quan trực tiếp đến người dân, UBND cấp xã đã chỉ đạo ủy quyền và thực hiện giải quyết **"4 tại chỗ"** với mục tiêu rút ngắn tối đa thời gian giải quyết TTHC...

- Trong quý III, tỉnh Thái Nguyên đã tiếp nhận 256.850 hồ sơ, trong đó đã giải quyết 233.059 hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ giải quyết trước và đúng hạn đạt 99,86%, tỷ lệ hài lòng của người dân trong giải quyết TTHC đạt trên 99%.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Thực hiện đúng các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập

Trong quý III năm 2026, UBND tỉnh đã ban hành các quyết định sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành (Nông nghiệp và Môi trường; Công Thương; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng) và các đơn vị thuộc sở, ngành (Chi cục Kiểm lâm; Trung tâm Khuyến Nông, Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Khai thác, Xúc tiến phát triển Du lịch thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện đúng các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức theo đúng quy định.

3.2. Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại địa phương

- Về cơ quan hành chính:

+ Cấp tỉnh: Đến nay, tỉnh Thái Nguyên có 13 cơ quan chuyên môn, 01 tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh (không bao gồm Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh); có 11 chi cục; 89 phòng chuyên môn nghiệp vụ và tương đương thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh.

+ Cấp xã: Có 413 phòng chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, cụ thể: 321 phòng chuyên môn, 92 Trung tâm Phục vụ hành chính công.

- Về đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Cấp tỉnh: Thực hiện Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 08/4/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới, tỉnh đã triển khai thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định. Sau sắp xếp, tính đến ngày 01/9/2026 còn 141 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 03 đơn vị so với thời điểm 01/5/2026⁵), trong đó: 05 đơn vị thuộc UBND tỉnh (giảm 01 đơn vị);

⁵Thực hiện chủ trương sắp xếp theo Công văn số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Kế hoạch số 130/KH-BCĐTKNQ18 ngày 21/9/2025

124 đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (giảm 02 đơn vị); 03 đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh⁶; 09 đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh.

+ Đối với đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập: Thực hiện Thông báo số 105-TB/VPTW ngày 24/6/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc về công tác chuẩn bị năm học 2026 - 2027 và tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Công văn số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 và Công văn số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp xã, tỉnh đã thực hiện sắp xếp theo đúng định hướng của Trung ương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, cụ thể: Đối với các trường thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo, tổng số đầu mối giữ nguyên 58 trường, trung tâm, nhưng cơ cấu chuyển từ 41 trường THPT, 04 trường THCS&THPT thành 37 trường THPT, 08 trường THCS&THPT. Đối với các trường thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp xã còn 366 trường (giảm 497 trường so với thời điểm 01/5/2026⁷; giảm 499 trường so với thời điểm 01/7/2025);

+ Cấp xã: Tính đến nay, cấp xã có 567 đơn vị sự nghiệp (trong đó có 92 Trung tâm Dịch vụ Tổng hợp, 92 Trạm Y tế, 17 Ban Quản lý dự án, 366 cơ sở giáo dục), giảm 493 đơn vị so với thời điểm trước sắp xếp⁸ (giảm 497 cơ sở giáo dục, 01 Ban Quản lý Trung tâm Thương nghiệp; tăng 05 Ban Quản lý dự án).

3.3. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Căn cứ Quyết định số 327-QĐ/BTCTW, ngày 15/6/2026 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Nguyên năm 2026 và trên cơ sở Quyết định

của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ, tính đến ngày 01/5/2026 tỉnh Thái Nguyên có 144 đơn vị sự nghiệp công lập (06 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, 126 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND tỉnh, 03 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục, 09 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh).

⁶03 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Chi cục chuyển sang thành 03 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở.

⁷Thực hiện chủ trương sắp xếp theo chỉ đạo, định hướng của Trung ương, của tỉnh, tính đến ngày 01/5/2026, tỉnh Thái Nguyên có 1.060 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã (tăng 130 đơn vị), gồm: (92 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 92 Trạm Y tế, 12 Ban Quản lý dự án, 01 Ban Quản lý Trung tâm thương nghiệp, 863 đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục đào tạo).

⁸Tính đến ngày 01/5/2026, tỉnh Thái Nguyên có 1.060 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã, gồm: 92 Trung tâm Dịch vụ tổng hợp, 92 Trạm Y tế, 12 Ban Quản lý dự án, 01 Ban Quản lý Trung tâm Thương nghiệp, 863 đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực giáo dục đào tạo.

số 1052-QĐ/TU, ngày 26/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giao tổng biên chế khối chính quyền địa phương tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Ngày 17/7/2026, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 302/NQ-HĐND Quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

Thực hiện chủ trương về sắp xếp tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, để có cơ sở cho các đơn vị, địa phương thực hiện quản lý, sử dụng số lượng người làm việc khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/8/2026 sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 17/7/2026.

Hiện nay, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo quy định của Trung ương, để phù hợp với tình hình sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương, hiện nay, Sở Nội vụ đang tham mưu UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh số lượng người làm việc tại Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 13/8/2026 của HĐND tỉnh sửa đổi khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 302/NQ-HĐND ngày 17/7/2026 của HĐND tỉnh quyết định biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng biên chế cán bộ, công chức của chính quyền địa phương cấp xã; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2026. Việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức của tỉnh Thái Nguyên được thực hiện theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước.

3.4. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước tại địa phương

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành thường xuyên rà soát chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền, kịp thời điều chỉnh hoặc tham mưu điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, kiện toàn tổ chức bộ máy, đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; thường xuyên rà soát, đánh giá khả năng thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại các văn bản pháp luật về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền trên tất cả các lĩnh vực; đánh giá những vấn đề còn bất cập, vướng mắc liên quan đến thủ tục pháp lý, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản phù hợp với pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn; tập trung giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc ở cấp xã khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp; chỉ đạo việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với bảo đảm nguồn lực, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát gắn với kiểm soát quyền lực việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp, phân quyền tại các địa phương.

- Nhằm tăng tính chủ động cho các cơ quan, địa phương, đơn vị, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành tiếp tục thực hiện rà soát, đánh giá tính khả thi, thực hiện phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ từ thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho các sở, ngành và cấp xã thực hiện, giải quyết một số nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp với tình hình và điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đó. Trong Quý III năm 2026, UBND tỉnh ban hành 02 quyết định phân cấp nhiệm vụ từ thẩm quyền của UBND tỉnh cho các cơ quan, địa phương về lĩnh vực nông nghiệp - môi trường và lĩnh vực xây dựng; 12 quyết định ủy quyền từ thẩm quyền của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh cho Thủ trưởng các sở, ngành.

- Việc thực hiện phân cấp, phân quyền thời gian qua đã mang lại nhiều kết quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền cơ bản được triển khai phù hợp với chức năng, điều kiện thực tế của địa phương, qua đó phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của chính quyền các cấp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

3.5. Về xây dựng chính quyền địa phương

Thực hiện chỉ đạo của Trung ương về triển khai thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã, trên cơ sở định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Thái Nguyên và Thông báo số 726-TB/TU ngày 08/6/2026 của Thường trực Tỉnh ủy về chủ trương lập Đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện rà soát các xã trên địa bàn tỉnh đủ điều kiện đáp ứng tiêu chuẩn thành lập phường theo quy định, trình cấp có thẩm quyền Đề án thành lập phường đối với 8 đơn vị (bao gồm 08 xã: Chợ Đồn, Định Hóa, Đồng Hỷ, Phú Lương, Quân Chu, Trại Cau, Võ Nhai và Phú Bình). Việc thành lập các đơn vị hành chính đô thị cấp xã là cần thiết, phù hợp với yêu cầu quản lý và định hướng phát triển đô thị của tỉnh; góp phần hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

- Về triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản tổ chức thực hiện⁹, đồng thời triển khai Phương án về sắp xếp, tổ chức lại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh năm

⁹Công văn số 5657/UBND-NC ngày 22/5/2026 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 29/5/2026 về tổ chức thực hiện việc sắp xếp thôn (xóm), tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn (xóm), tổ dân phố; Phương án số 6739/PA-UBND ngày 08/6/2026 về sắp xếp, tổ chức lại thôn (xóm), tổ dân phố trên địa bàn tỉnh năm 2026.

2026..., kết quả, sau sắp xếp, sáp nhập, tỉnh Thái Nguyên đã giảm trên 55% từ 3.145 còn 1.403 thôn, tổ dân phố. Ngày 13/8/2026, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XV đã thông qua Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ một lần đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn (xóm), tổ dân phố nghỉ việc do cơ cấu, kiện toàn đội ngũ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 13/8/2026, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai chính sách hỗ trợ đối với đội ngũ người hoạt động không chuyên trách nghỉ việc khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn nhân sự theo quy định mới của Chính phủ, qua đó, bảo đảm quyền lợi, tạo sự đồng thuận đối với những người nghỉ việc do thực hiện cơ cấu, kiện toàn đội ngũ, góp phần xây dựng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn mới.

4. Cải cách chế độ công vụ

4.1. Thực hiện tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức

- Công tác tuyển dụng, tiếp nhận, điều động công chức, viên chức

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển, tiếp nhận vào làm công chức, viên chức) được thực hiện đúng quy định, Sở Nội vụ đã ban hành văn bản¹⁰ đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát nhu cầu và tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức theo thẩm quyền. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện công tác tiếp nhận và điều động công chức, viên chức phù hợp với yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy khi triển khai mô hình chính quyền hai cấp; bảo đảm việc tuyển dụng đúng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đã được phê duyệt. Trong quý III, tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện điều động 68 công chức và tiếp nhận vào làm công chức với 17 trường hợp.

- Thực hiện bố trí, bổ nhiệm công chức, viên chức:

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điều động, bổ nhiệm 03 lãnh đạo, quản lý (01 Phó Giám đốc Sở Tài chính, 01 Phó Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, 01 Giám đốc Ban Quản lý các dự án vốn nước ngoài tỉnh Thái Nguyên); quyết định cho thôi giữ chức vụ đối với 03 lãnh đạo, quản lý: Thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với ông Nguyễn Chu Thu, Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể đối với ông Phạm Văn Chí và điều động đến nhận công tác tại Sở Nông nghiệp và Môi trường; thôi giao điều hành Ban Quản lý Vườn Quốc gia

¹⁰Công văn số 7670/SNV-CCVC ngày 24/8/2026, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát nhu cầu và tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức theo thẩm quyền.

Ba Bể, thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Ban Quản lý Vườn Quốc gia Ba Bể đối với ông Phạm Văn Nam và điều động đến nhận công tác tại Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4.2. Thực hiện các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

Căn cứ các quy định của Chính phủ và Bộ Nội vụ về vị trí việc làm (VTVL), bao gồm các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nội vụ về bảo đảm nhân sự cấp xã, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ thực hiện hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương¹¹ rà soát, xây dựng vị trí việc làm công chức, viên chức; xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định (xây dựng vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã; đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc UBND cấp xã). Trên cơ sở văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang xây dựng, hoàn thiện danh mục, bản mô tả vị trí việc làm công chức, viên chức. Đến nay, Sở Nội vụ đã tổ chức thẩm định và ban hành quyết định phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm công chức đối với các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể:

- Vị trí việc làm công chức (VTVL):

+ Đối với 15 sở, ban, ngành và cơ quan tương đương: Phê duyệt 879 vị trí việc làm, gồm 106 vị trí lãnh đạo, quản lý; 718 vị trí chuyên môn, nghiệp vụ; và 55 vị trí hỗ trợ, phục vụ.

+ Đối với 92 xã, phường: Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm và Bản mô tả vị trí việc làm với 42 vị trí việc làm/xã, phường, gồm 06 vị trí lãnh đạo, quản lý; 33 vị trí chuyên môn, nghiệp vụ; và 03 vị trí hỗ trợ, phục vụ.

- Vị trí việc làm viên chức (VTVL): Đã tổ chức thẩm định và ban hành quyết định phê duyệt danh mục VTVL và bản mô tả VTVL viên chức thuộc UBND các xã, phường với 169 vị trí việc làm/xã, phường, gồm 09 vị trí lãnh đạo, quản lý; 125 vị trí chuyên môn, nghiệp vụ; 25 vị trí chuyên môn dùng chung và 10 vị trí hỗ trợ, phục vụ.

¹¹Hướng dẫn số 251/HD-SNV ngày 23/12/2025 về xây dựng VTVL và cơ cấu ngạch công chức trong tổ chức hành chính; VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị SNCL trên địa bàn tỉnh; Công văn số 233/SNV-CCVC ngày 11/01/2026 về việc điều chỉnh nội dung xây dựng VTVL công chức; Hướng dẫn số 47/HD-SNV ngày 05/02/2026 về việc xây dựng VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp tại Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3755/SNV-CCVC ngày 10/5/2025 về việc rà soát VTVL công chức; Công văn số 4901/SNV-CCVC ngày 10/6/2026 về xây dựng đề án VTVL và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc UBND cấp xã.

4.3. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

- UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 17/12/2025 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thái Nguyên năm 2026, trong đó giao các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh chủ trì tổ chức 340 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho tổng số 46.300 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung các chương trình bồi dưỡng tập trung vào bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; bồi dưỡng theo vị trí việc làm, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã; hình thức tổ chức bồi dưỡng do các sở, ban, ngành đề xuất các nội dung, chương trình bồi dưỡng, chủ trì phối hợp với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng theo quy định. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đến tháng 9 năm 2026: Các cơ quan, đơn vị đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo đúng thẩm quyền phân cấp; tổ chức 330 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho gần 37.273 lượt CBCCVC tham gia bồi dưỡng, tập huấn.

- Nhằm nâng cao chất lượng, yêu cầu về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là đối với đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 10/6/2026 đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường đáp ứng yêu cầu vận hành chính quyền địa phương 02 cấp giai đoạn 2026 - 2031; Kế hoạch số 234/KH-UBND ngày 02/6/2026 nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, trong đó, tập trung tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, chuyên ngành, tập huấn chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ, năng lực quản lý, điều hành để có đủ năng lực cơ bản thực thi nhiệm vụ, công vụ cho cán bộ, công chức cấp xã; bảo đảm 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý; bảo đảm 100% cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành, lĩnh vực; bồi dưỡng các kỹ năng hỗ trợ để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ được giao; chú trọng bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, kỹ năng số, công nghệ số...

- Nhằm cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Trung ương; tạo hành lang pháp lý thống nhất để triển khai trên địa bàn tỉnh; quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực và gắn kết quả đào tạo, bồi dưỡng với công tác cán bộ, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Quyết định số 95/2026/QĐ-UBND ngày 11/7/2026 Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; ban hành

văn bản chỉ đạo thực hiện nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện

Trong quý III năm 2026, UBND tỉnh tiếp tục ban hành văn bản chỉ đạo về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2026. Công tác quản lý tài chính - ngân sách được UBND tỉnh quan tâm, chỉ đạo thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản.

5.2. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Công tác quản lý tài chính - ngân sách được Sở Tài chính thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2025 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản, cụ thể:

- Thu ngân sách trên địa bàn đến ngày 14/9/2026 đạt 20.255 tỷ đồng, bằng 76,3% dự toán Thủ tướng Chính phủ (TTCP) giao và bằng 75,3% dự toán Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh giao. Trong đó, thu nội địa là 16.304 tỷ đồng và bằng 69,1% dự toán TTCP giao và đạt 68,2% dự toán HĐND tỉnh giao; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 3.768 tỷ đồng, bằng 127,7% dự toán TTCP và HĐND tỉnh giao; các khoản viện trợ, huy động, đóng góp đạt 183 tỷ đồng.

- Chi ngân sách nhà nước địa phương đến ngày 14/9/2026 đạt 17.919 tỷ đồng, bằng 64,2% dự toán TTCP giao và bằng 63,5% dự toán HĐND tỉnh giao.

5.3. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên chủ động hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các địa phương đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

Tổng số vốn được giao năm 2026 là 9.570.423 triệu đồng, bao gồm: Kế hoạch vốn năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao là 7.566.345 triệu đồng (ngân sách Trung ương 1.379.945 triệu đồng, ngân sách địa phương 6.186.400 triệu đồng); Kế hoạch vốn năm trước được phép kéo dài thời hạn giải ngân theo quy định: 2.004.078 triệu đồng. Đến nay, kết quả giải ngân là 4.817.830 triệu đồng, đạt 63,7% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 56,2% so với kế hoạch vốn địa phương triển khai.

5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL

Thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh tiếp tục giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Đồng thời, tiếp tục cho ý kiến đối với 100% các văn bản xin ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các cơ quan. Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 1.096 đơn vị, trong đó:

- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 34 đơn vị;
- + Số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 133 đơn vị;
- + Số đơn vị NN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 948 đơn vị.

Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, các đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, Nghị định 111/2025/NĐ-CP ngày 25/5/2025 của Chính phủ, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là 1.137/1.137 đơn vị (đạt 100%).

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

6.1. Về công tác triển khai thực hiện

Trong quý III, UBND tỉnh Thái Nguyên tiếp tục chỉ đạo các đơn vị, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW (gọi tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP); Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP; Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 06/02/2026 Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, đồng thời chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

6.2. Kết quả thực hiện

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành triển khai tích hợp Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia, đồng thời phối hợp hoàn thiện dịch vụ công, dữ liệu, cấu hình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, phối hợp triển khai các hệ thống: Hệ thống điều phối giải quyết TTHC, hệ thống quản lý thanh toán tập trung, hệ thống xử lý phản ánh kiến nghị. Hiện tại các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh được thực hiện trên Hệ thống giải quyết TTHC của tỉnh và các hệ thống giải quyết TTHC tập trung của 12 bộ, ngành Trung ương¹².

- Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công: Tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành công tác phối hợp triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia (rà soát, cấu hình, công khai các TTHC đặc thù của tỉnh; rà soát mã dịch vụ công, thành phần hồ sơ, tài khoản; cấu hình tài khoản thu phí dịch vụ công của các cơ quan, đơn vị; phối hợp triển khai hệ thống điều phối giải quyết TTHC, hệ thống quản lý thanh toán tập trung, hệ thống phản ánh kiến nghị; thử nghiệm cắt chuyển hệ thống). Hoàn thành tích hợp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Thái Nguyên với Cổng Dịch vụ công quốc gia tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia (tích hợp đăng nhập SSO qua VNeID, rà soát đồng bộ mã dịch vụ công, mã TTHC, mã thành phần hồ sơ của các TTHC với CSDL về TTHC).

- Về triển khai hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Tỉnh Thái Nguyên sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành do VNPT triển khai; hệ thống hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, xử lý văn bản điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của tỉnh (hiện tại đã cấp trên 18.000 tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức tại 148 cơ quan nhà nước ở cả 2 cấp tỉnh, xã).

- Hệ thống thư điện tử tỉnh (tại địa chỉ: <http://mail.thainguyen.gov.vn>): Hệ thống tiếp tục được duy trì hoạt động ổn định. Tính đến nay toàn tỉnh đã cấp hơn 28.000 hòm thư điện tử cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

- Trang/cổng Thông tin điện tử: 100% Sở, ngành, xã/phường của tỉnh có Trang thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu theo quy định; Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử các đơn vị, địa phương thường xuyên cập nhật tin/bài đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin về các hoạt động chỉ đạo, điều hành của cơ quan, đơn vị, địa phương.

¹²Bộ, ngành, bao gồm: Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với Trung ương. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay 7,3 triệu giao dịch.

- Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành mục tiêu phủ sóng 20 thôn chưa có sóng di động theo kết quả rà soát thôn lõm sóng năm 2025. Tỉnh Thái Nguyên đã chỉ đạo, hỗ trợ doanh nghiệp viễn thông mở rộng, nâng cấp hạ tầng, xây dựng 58 cơ sở hạ tầng với 111 trạm BTS, gồm 43 trạm 5G và 68 trạm 4G. Đến nay, toàn tỉnh có 3.416 vị trí phát sóng với 6.250 trạm BTS (2G, 3G, 4G, 5G), phủ sóng 99,8% dân số, trong đó ước tính 82% dân số được phủ sóng 5G.

- Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công: Tính đến nay, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 97,38%; kết quả xử lý hồ sơ nộp trực tuyến đúng hạn đạt 97,51%; Tỷ lệ hồ sơ TTHC số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 96,07%; tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử đạt 95,02%; tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đạt 98,81%.

- Sở Khoa học và Công nghệ thường xuyên phối hợp với các sở, ngành, địa phương và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thực hiện rà soát, đăng ký cấp mới, sửa đổi thông tin Chữ ký số chuyên dùng công vụ cho các đơn vị, địa phương. Toàn tỉnh hiện có 52.427 chứng thư số hoạt động, trong đó chứng thư số tổ chức: 4.318, chứng thư số cá nhân: 48.109.

- Chữ ký số công cộng: Đến nay, số lượng chữ ký số công cộng được cài đặt và đang hoạt động trên toàn tỉnh là 941.449 chữ ký số; chiếm 70,1% dân số trưởng thành có chữ ký số trên toàn tỉnh.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Công tác CCHC của tỉnh luôn nhận được quan tâm đặc biệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; các đơn vị, địa phương quyết liệt triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình tổng thể CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2030, chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình CCHC nhà nước của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030. Kết quả Chỉ số CCHC, Chỉ số hài lòng về sự phục vụ được duy trì, cải thiện và xếp thứ hạng cao.

- UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành văn bản cụ thể hóa các chủ trương chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp; các xã, phường đã thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng quy định, đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn.

- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông cơ bản đáp ứng yêu cầu, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn cao, nhiều đơn vị không có hồ sơ quá hạn; công tác

rà soát, kiểm soát TTHC được thực hiện thường xuyên, việc tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong các giao dịch, giảm thời gian, chi phí giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp...

- Công tác sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị được triển khai thực hiện kịp thời, đảm bảo tiến độ đề ra, đảm bảo tinh gọn theo hướng hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, liên thông trong quản lý nhà nước; bộ máy các cơ quan, đơn vị được sắp xếp đúng quy định và phù hợp về chức năng, nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương; qua đó, bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp cơ bản được kiện toàn, vận hành ổn định, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, tạo nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả thực thi công vụ và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Phân cấp, phân quyền được đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương; rà soát, đề xuất tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách, góp phần tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư, thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được những kết quả quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo hệ thống hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế số và mang lại lợi ích, thuận tiện và hiệu quả hơn trong tiếp cận các dịch vụ công và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

2. Tồn tại, hạn chế, vướng mắc

- Một số UBND xã, phường chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác CCHC, chưa thường xuyên kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC, qua kiểm tra chưa phát hiện, kiến nghị xử lý những vướng mắc, tồn tại, hạn chế lớn.

- Một số địa phương vẫn còn hồ sơ TTHC quá hạn, giải quyết công việc chậm, muộn, nhất là lĩnh vực đất đai, để người dân có ý kiến phản ánh (qua công tác kiểm tra công vụ và phản ánh, kiến nghị của người dân thông qua đường dây nóng của tỉnh).

- Về biên chế được giao cho cấp xã năm 2026: Với khối lượng công việc phân cấp, phân quyền cho cấp xã nhiều, số lượng biên chế giao theo khung chưa đáp ứng việc giải quyết công việc và nhiệm vụ chuyên môn. Do vậy, các xã, phường gặp nhiều khó khăn trong bố trí nhân sự thực hiện nhiệm vụ được giao. Cán bộ, công chức phải kiêm nhiệm nhiều chuyên môn, lĩnh vực khác nhau đã ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả công tác.

- Cơ cấu đội ngũ giữa các cấp chưa thật sự cân đối, còn tình trạng thừa, thiếu nhân lực ở cấp xã, nhất là các lĩnh vực chuyên môn như công nghệ thông tin, kế toán, đất đai, xây dựng, giao thông. Chất lượng đội ngũ chưa đồng đều, một bộ phận cán bộ, công chức do mới tiếp cận lĩnh vực, nhiệm vụ mới nên trong quá trình xử lý công việc, nhất là các lĩnh vực yêu cầu chuyên môn sâu còn lúng túng.

- Hiện nay, vướng mắc trong việc xác định tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trạm Y tế cũng như trong việc xác định mức phụ cấp áp dụng đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trạm Y tế (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng, Phó phòng trực thuộc) do đến nay chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về chế độ phụ cấp. Việc xây dựng vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc tại các Trạm Y tế cấp xã hiện còn gặp nhiều khó khăn do Bộ Y tế chưa ban hành hướng dẫn cụ thể đối với mô hình tổ chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Hiện nay, các địa phương chủ yếu căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BYT để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, các quy định tại Thông tư này chưa phù hợp với mô hình Trạm Y tế sau khi sắp xếp.

- Một số trụ sở làm việc của UBND cấp xã đã xuống cấp, còn thiếu phòng làm việc, đa số nơi làm việc của cán bộ, công chức rất chật hẹp, chưa đáp ứng yêu cầu hiện nay. Việc triển khai thực hiện giải ngân vốn đầu tư công tại một số địa phương còn chậm, hiệu quả chưa cao.

- Đối với các cơ sở nhà đất nhận chuyển giao, trường hợp thực hiện theo quy hoạch để thực hiện giao đất, cho thuê đất theo pháp luật đất đai, nhiều trường hợp người được giao đất, cho thuê đất không có nhu cầu sử dụng tài sản gắn liền với đất nhưng vẫn phải trả lại cho Nhà nước khoản tiền tương đương giá trị còn lại hoặc giá trị hiện tại của tài sản công dẫn đến khó khăn trong việc giao đất, cho thuê đất.

- Hiện nay, Bộ Tài chính chưa ban hành hướng dẫn cụ thể về phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ nên địa phương gặp khó khăn trong việc thực hiện sắp xếp doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh xổ số (Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Bắc Kạn và Công ty TNHH Nhà nước MTV Xổ số kiến thiết Thái Nguyên).

- Việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn; một số dịch vụ công trực tuyến đôi lúc chưa thực sự thuận lợi cho người dân, tổ chức. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn có người dân chưa có điện thoại thông minh.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC do các bộ, ngành Trung ương triển khai riêng biệt (trên 10 hệ thống), việc kết nối, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống với Cổng Dịch vụ công quốc gia chưa hoạt động ổn định, dẫn đến các địa phương gặp nhiều khó khăn trong tổng hợp, báo cáo số liệu, kiểm tra, giám sát, sử dụng, vận hành hằng ngày; việc thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia còn xảy ra lỗi trong quá trình vận hành, khai thác (có thời điểm chưa hiển thị đầy đủ thông tin phí, lệ phí phải nộp, chưa cập nhật kịp thời trạng thái giao dịch thanh toán hoặc trạng thái thanh toán chưa đồng bộ với trạng thái xử lý hồ sơ trên Hệ thống điều phối giải quyết TTHC và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh).

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Bộ Công an sớm có giải pháp tích hợp kết nối đồng bộ dữ liệu các Hệ thống thông tin giải quyết TTHC do các bộ, ngành Trung ương triển khai, đảm bảo hệ thống thông suốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương khai thác dữ liệu, thực hiện công tác thống kê, tổng hợp báo cáo số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

- Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về phương án công bố, công khai TTHC tại địa phương, hiện nay UBND các tỉnh, thành phố không thực hiện địa phương hóa và công khai TTHC trên Hệ thống cơ sở dữ liệu sau khi Cổng dịch vụ công quốc gia do Bộ Công an quản lý, toàn bộ cơ sở dữ liệu về TTHC được đồng bộ trực tiếp từ Hệ thống giải quyết TTHC tập trung của các bộ, ngành; áp dụng chung cho toàn bộ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên toàn quốc.

- Đề nghị Bộ Tài chính sớm ban hành hướng dẫn cụ thể về phương án sắp xếp các doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh, liên tỉnh theo Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 07/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ để địa phương có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

- Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Y tế hướng dẫn xác định tiêu chuẩn bổ nhiệm, chế độ phụ cấp các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trạm Y tế cũng như trong việc xác định mức phụ cấp áp dụng đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Trạm Y tế. Bộ Y tế ban hành hướng dẫn cụ thể xây dựng vị trí việc làm và xác định số lượng người làm việc tại các Trạm Y tế cấp xã (Thông tư số 03/2023/TT-BYT để triển khai thực hiện chưa phù hợp với mô hình Trạm Y tế sau khi sắp xếp, dẫn đến lúng túng trong việc xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc, đồng thời chưa bảo đảm tính thống nhất trong quá trình triển khai giữa các địa phương).

- Đề nghị Bộ Nội vụ sớm ban hành hướng dẫn triển khai đánh giá, xác định Chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2026; hướng dẫn triển khai lập mẫu đo lường mức độ hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2026, tránh để cuối năm thời gian triển khai rất ngắn, gấp, khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2026

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 và Kế hoạch CCHC nhà nước của Chính phủ giai đoạn 2026 - 2030; Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 09/6/2026 về tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm góp phần cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và hiệu quả CCHC tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 06/09/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số

hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên năm 2026.

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc, có hiệu quả quy định của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tiếp tục thực hiện cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%” trên địa bàn tỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

- Tiếp tục rà soát, cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu; tổ chức triển khai đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng theo vị trí việc làm, theo ngành lĩnh vực.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghiên cứu, tiếp tục sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có quy mô nhỏ, chưa đạt tiêu chuẩn, có tính đến yếu tố đặc thù; thành lập các phường trên cơ sở các thị trấn trước đây, các khu vực đô thị có đủ điều kiện; nghiên cứu nhập một số phường trung tâm để hình thành phường có quy mô đủ lớn, giữ vai trò hạt nhân phát triển của tỉnh. Nghiên cứu, báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền thành lập Khu kinh tế chuyên biệt phía Nam tỉnh.

- Tiếp tục tăng kiểm tra công vụ, CCHC, kịp thời chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; đề xuất xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức có biểu hiện né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, không dám làm; giải quyết công việc chậm, muộn, gây phiền hà, những nhiễu.

- Triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả về tài chính công, thực hiện giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước đảm bảo đúng tiến độ; đổi mới cơ chế thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp tục thực hiện việc lập phương án sắp xếp, xử lý nhà, đất theo quy định. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết của Bộ Chính trị: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên năm 2026; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2026, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin và Dịch vụ sự nghiệp tỉnh;
- Các phòng TMTH
- Lưu: VT, TTPVHCC.

Anhntk.9/2026

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Loan

THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
TỈNH THÁI NGUYÊN QUÝ III NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Báo cáo số _____/BC-UBND ngày ____/9/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	35	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	69,57	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	23	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	16	
3	Kiểm tra CCHC		33	Thời điểm 15/9
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	2	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	31	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	9	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	9	
4	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	137	
4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	81	
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	6.000	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		

5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	Ngày 15/7/2026, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị đối thoại chuyên đề giữa Bí thư Tỉnh ủy với nông dân năm 2026 (trực tiếp kết hợp trực tuyến đến 92 điểm cầu xã, phường)
II. Cải cách thể chế				
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	202	82 Nghị quyết; 120 Quyết định
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	25	08 Nghị quyết; 17 Quyết định
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	25	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	0	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	435	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	96,78%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	435	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	421	
III. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)				

1	Thông kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	6	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	03	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.080	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.761	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	319	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	Thủ tục	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	2.080	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,92%	
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	65.955	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	65.906	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,83%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	167.104	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	166.834	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	99,2%	
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	128	01 PAKN đang trong thời hạn giải quyết
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	127	
IV. Cải cách tổ chức bộ máy				
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			

1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	14 sở, ngành (bao gồm Ban quản lý các KCN)
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	92 đơn vị cấp xã
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	01	Ban Quản lý các Khu Công nghiệp
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	80	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	699	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	5	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	127	
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	567	Giảm 493 đơn vị so với số với thời điểm 01/5/2026
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	7.010	<i>Trong đó:</i> Cấp tỉnh: 1.644 Cấp xã: 3.326
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	4.970	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	174	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.079	Cấp tỉnh có mặt: 5.677 Cấp xã có mặt: 26.240
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	31.917	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	2.989	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2021	%	8,7	(giảm 2.989 biên chế viên chức)
V. Cải cách chế độ công vụ				

1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	107	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	04	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	17	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	3	Điều động, bổ nhiệm mới
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
VI. Cải cách tài chính công				
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	63,7	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	7.566.345	Số liệu đến ngày 14/9/2026
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.817.830	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.196	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	34	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	133	

2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	948	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số				
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
4	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	100	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	1.329	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	1.329	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	99,47%	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	2.095	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	2.084	

4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (Chỉ thống kê đối với các DVCTT một phần và toàn trình có phát sinh hồ sơ)	%	97,38	
4.3.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>792.977</i>	
4.3.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>772.201</i>	
4.4.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.4.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>540</i>	
4.4.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>540</i>	